

**CÔNG TY TNHH ZENDA GLOBAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ZENDA GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZENDA GLOBAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ZENDA GLOBAL Co.,Ltd

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703092056

**3. Ngày thành lập:** 02/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 38 đường D17B, KDC DV Tân Bình, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0977 99 89 39

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng.                                                                                                                  | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa). | 4620        |
| 6.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4631        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632(Chính) |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4633        |
| 9.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo<br>(sản xuất trong nước)                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4634        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>- Bán buôn balô, túi xách; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách); - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. | 4649 |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.                                                                                        | 4659 |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Kính doanh đá Granite, đá hoa cương, đá cảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hàng đóng gói, sản phẩm hàng tiêu dùng, hàng nông sản các loại. Buôn bán các sản phẩm làm từ đá như: bàn ghế bằng đá, bình hoa bằng đá...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669 |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710 |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4721 |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4722 |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia, nước ngọt, nước giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4723 |
| 18. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(sản xuất trong nước)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4724 |
| 19. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2592 |
| 20. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4912 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh kho bãi; lưu giữ than đá, phế liệu, hóa chất)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa                           | 5229                                                         |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                  | 7730                                                         |
| 26. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                               | 4229                                                         |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng bia mộ                                                                                                                                                                                         | 4299                                                         |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4759                                                         |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                         | 4772                                                         |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng đóng gói, sản phẩm hàng tiêu dùng, hàng nông sản các loại trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng các loại trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4773                                                         |
| 31. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                    | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ TRÍ LUÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038088023428

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 38 đường D17B, KDC DV Tân Bình, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 38 đường D17B, KDC DV Tân Bình, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ TRÍ LUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038088023428

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 38 đường D17B, KDC DV Tân Bình, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 38 đường D17B, KDC DV Tân Bình, khu phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương